

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hương

2. Ông Nguyễn Công Chiếu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 31/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị V, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Lư Văn N, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2019, bản tự khai ngày 05/9/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lương Thị V trình bày: Chị và anh Lư Văn N tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1998 không có đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, xuất phát từ đó anh chị thường xuyên cãi nhau. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã tự sống ly thân từ tháng 11 năm 2014 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lư Văn N.

Đối với anh Lư Văn N tại bản tự khai ngày 05/9/2019 anh xác nhận đúng là anh và chị Lương Thị V tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 1998 không có đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Anh cũng thừa nhận sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã tự sống ly thân từ tháng 11/2014 và không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Nay chị Lương Thị V khởi kiện xin ly hôn anh, anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Lương Thị V và anh Lư Văn N đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Lư Văn D, sinh ngày 26/6/2000 và cháu Lư Thị T, sinh ngày 13/12/2001, cả hai cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện cháu D đã trưởng thành trên 18 tuổi nên khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lư Thị T chưa đủ 18 tuổi hiện đang ở cùng chị V, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lư Thị T, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Anh Lư Văn N nhất trí để chị Lương Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Lư Thị T, anh không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đối với cháu Lư Thị T tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 09/9/2019 cháu có nguyện vọng được mẹ đẻ là chị Lương Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lương Thị V và anh Lư Văn N đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có con chung, chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập; Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân, vì các đương sự không có đăng ký kết hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải về việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được người nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Lương Thị V có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Lư Văn N (địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a

Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị V và anh Lư Văn N tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1998 không có đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, xuất phát từ đó anh chị thường xuyên cãi nhau. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã tự sống ly thân từ tháng 11 năm 2014 và không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Nay anh chị đều nhất trí ly hôn, nhưng việc anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn là bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy xét yêu cầu ly hôn của anh chị, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận, mà cần căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Lương Thị V và anh Lư Văn N là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị Lương Thị V và anh Lư Văn N đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có hai người con chung cháu Lư Văn D, sinh ngày 26/6/2000 và cháu Lư Thị T, sinh ngày 13/12/2001, cả hai cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Đối với cháu Lư Văn D đã trưởng thành trên 18 tuổi, khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Lư Thị T chưa trưởng thành anh chị đều có nguyện vọng khi ly hôn để chị Lương Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lư Thị T, anh Lư Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng chính đáng của cháu T, mặt khác chị V cũng đã cung cấp được chứng cứ chứng minh công việc của chị ở địa phương là chăn nuôi và trồng trọt, thu nhập bình quân của chị là 4.000.000đ/tháng, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Lương Thị V không yêu cầu anh Lư Văn N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và công nợ chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên toà hôm nay chị Lương Thị V và anh Lư Văn N đều xác nhận vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Lương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử không công nhận chị Lương Thị V và anh Lư Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của chị Lương Thị V và anh Lư Văn N về con chung như sau: Chị Lương Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lư Thị T, sinh ngày 13/12/2001 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lư Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Lư Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0000164 ngày 05/9/2019. Chị Lương Thị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);
- UBND xã P;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng